

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 05 - 8 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Định

Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Vũ H), sinh năm 1995 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Từ Thu S; vợ: Lê Cẩm N (đã ly hôn); con: 02 người; tiền án: Ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 22/8/2018; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2020 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Phạm Cẩm Nh, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thanh H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm 2, Phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 06/01/2020, Nguyễn Văn H thuê chị Phạm Cẩm Nh chạy xe honda khách chở H từ cảng cá Quốc Đạt thuộc Khóm 10, thị trấn S, huyện T đến thành phố C với giá 300.000 đồng. Chị Nh sử dụng xe mô tô hiệu RSX, biển kiểm soát 69N1-556.61 chở H, khi đi đến đầu lộ Vành đai ven biển phía Nam (Lộ Xuyên Á), do H không có tiền để trả cho chị Nh, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của chị Nh. Để tạo lòng tin đối với chị Nh và tạo điều kiện thuận tiện để chiếm đoạt xe H đã chỉ vào một quán nước đã đóng cửa nói dối là nhà của H, đồng thời H biết đường Xuyên Á rất vắng nên H tiếp tục nói dối chị Nh là mẹ của H đi đám ở Cầu T và yêu cầu chị Nh chở H đến đó để gặp mẹ H lấy tiền trả tiền xe, chị Nh đồng ý. Khi chị Nh chở H vừa qua Cầu T, H kêu chị Nh dừng xe. H xuống xe lấy điện thoại dò tìm trong danh bạ một số điện thoại gọi không liên lạc được, lưu lại thành tên “Mẹ yêu”. Để tạo lòng tin cho chị Nh, H bấm gọi vào số có tên “Mẹ yêu” nhiều lần và nói với chị Nh “Không gọi được cho mẹ em rồi chị ơi” và đưa số điện thoại cho chị Nh xem để chị Nh điện. Chị Nh lấy điện thoại của chị Nh gọi cũng không được. Thấy chị Nh xuống xe, H lên xe ngồi định lấy xe chạy đi nhưng không được, vì chị Nh đang đứng trước đầu xe. H nói với chị Nh “Đợi thêm chút nữa”, nhằm tìm cách khác để chiếm đoạt xe của chị Nh. Dù không quen biết với H nhưng vì H chỉ nhà và đưa số điện thoại có lưu tên “Mẹ yêu” cho xem nên chị Nh tin H đang chờ mẹ để lấy tiền trả tiền xe là thật nên đồng ý đợi cùng H. Sau khi dừng xe ở Cầu T khoảng 30 phút mà H cũng không có cách để lấy được xe, để thuận lợi cho việc chiếm đoạt xe, H nói với chị Nh để H chở chị Nh về nhà H, nếu mẹ H chưa về thì H đập cửa vào nhà lấy tiền trả chị Nh, chị Nh đồng ý. Khi H chở chị Nh qua Cầu B thuộc ấp T, xã H, đây là khu vực không có nhà dân sinh sống, đêm đã khuya, không người qua lại, rất thuận tiện cho việc chiếm đoạt xe, nên H nói dối với chị Nh “Đoạn đường này có nhiều cảnh sát giao thông, tôi sợ bị bắt, chị lái xe đi”. Nói xong H cho xe về số 1 và dừng xe vào lề lộ, khi chị Nh vừa bước xuống xe, H tăng ga chạy đi thì chị Nh dùng tay chụp vào ba ga phía sau xe kéo lại làm cho cả chị Nh, H và xe ngã xuống lộ. Thấy chị Nh bị ngã xuống lộ không có phản ứng, H đứng dậy dựng xe lên và điều khiển xe chạy đi.

H điều khiển xe đi đến thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thuê nhà trọ nghỉ. Tại đây H điện thoại cho Trịnh Văn U trú Khóm 1, thị trấn S, huyện T nói mới vừa giằng cướp được một chiếc xe để H bán trả tiền cho U vì trước đó H có mượn của U một chiếc xe mang đến Kiên Giang bán với giá 13.000.000 đồng. Đến sáng ngày 07/01/2020, H gặp V làm nghề chạy xe honda khách ở trước nhà trọ nhờ V chỉ chỗ cầm xe. H nói với V xe 69N1-556.61 là xe của mẹ H do không có tiền nên mang đi cầm. V dẫn H đến tiệm cầm đồ của Trịnh Văn L ở Khóm 2, Phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cầm xe được 9.000.000 đồng. H cho V 200.000 đồng và thuê V chở đến huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Khi đến huyện H biết H muốn bán chiếc xe vừa cầm nên V điện thoại nói với Trần Thanh H trú Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu về việc H muốn bán xe. Trần Thanh H đồng ý mua với giá 12.000.000 đồng, Trần Thanh H trả cho bị cáo H 3.000.000 đồng, bị cáo H giao giấy tờ cầm xe cho

Trần Thanh H tự đi chuộc và H cho V 200.000 đồng. Sau khi mua xe Trần Thanh H bán lại xe mô tô biển số 69N1-556.61 cho Phạm Hoàng T giá 13.000.000 đồng.

Sau khi bán được xe H đi đến thị xã M, tỉnh B để tìm việc làm nhưng không được. Tại đây H có quen biết với anh Hứa Văn L, đến ngày 14/01/2020 H lừa lấy xe mô tô biển số 68S1-540.65 của anh L mang về tỉnh Bạc Liêu bán và thuê phòng trọ tại Ấp 14, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nghỉ. Ngày 15/01/2020, H có hành vi tàng trữ trái phép ma túy bị Công an huyện H mời làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01a/KL-HĐĐGTS, ngày 08/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận giá trị tài sản: Xe Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển số 69N1-556.61 là 20.460.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 69N1-556.61, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Cẩm Nh đã giao trả lại cho chị Phạm Cẩm Nh. Trong quá trình bắt giữ H, Cơ quan điều tra thu giữ của H 1.505.000 đồng là số tiền do H bán xe còn lại.

Về dân sự: Chị Nh không có yêu cầu; anh Trần Thanh H có yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 12.000.000 đồng tiền mua xe.

Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 69N1-556-61, giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Cẩm Nh của bị hại, cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại xong; đối với số tiền 1.505.000 đồng thu giữ của bị cáo H đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nh không có yêu cầu gì khác không xem xét; anh Trần Thanh H có yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 12.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị buộc bị cáo H trả là phù hợp.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, Kiểm sát viên từ khi khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Thực tế, quá trình này bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 06/01/2020, do bị cáo đã có ý thức chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Phạm Cẩm Nh trú tại Khóm 7, thị trấn S, huyện T, để chiếm đoạt được xe mô tô của chị Nh, mặc dù bị cáo H không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhưng bị cáo H lợi dụng đêm khuya, đường vắng vẻ, dùng hàng loạt hành vi gian dối, với điều kiện không gian, thời gian, tương quan lực lượng giữa bị cáo và bị hại, hành vi của bị cáo đã làm cho chị Nh lâm vào tình trạng không còn khả năng chống cự để quản lý được tài sản và thực tế bị cáo đã chiếm đoạt được 01 xe mô tô mà không bị một trở ngại nào. Từ đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã thực hiện là hành vi cướp tài sản nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình truy tố bị cáo về tội cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì cần có tiền chi sài cá nhân mà bản thân bị cáo lại lười lao động, xem thường sức khỏe của người khác, bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông Nội là người có công được tặng Huân chương kháng chiến và là thương binh đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nhưng bị cáo lại có tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xử phạt 06 tháng tù và bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 22/8/2018 chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là tái phạm, nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng đã thu giữ: Đối với xe mô tô biển số 69N1-556-61, giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Cẩm Nh là tài sản của bị hại Nh, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại xong nên không đặt ra xem xét; đối với số tiền 1.505.000 đồng thu giữ của bị cáo H do bị cáo H còn phải thực hiện nghĩa vụ dân sự nên tiếp tục giữ lại để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chị Nh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với anh Trần Thanh H có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng được bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Trần Thanh H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo cho anh Nguyễn Văn V sau khi bị cáo cầm và bán được xe, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ cho anh Trần Thanh H và không yêu cầu anh V có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn V, Trịnh Văn L, Trần Thanh H và Phạm Hoàng T có liên quan trong việc môi giới, cầm và mua bán xe biển số 69N1-556.61 do bị cáo H cướp của chị Nh, nhưng khi môi giới, cầm và mua bán xe V, L, Trần Thanh H và Th không biết được xe do bị cáo Hải phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra công an huyện Thới Bình không xử lý đối với V, L, Trần Thanh H và T là đúng quy định; đối với Trịnh Văn U sau khi biết bị cáo H thực hiện hành vi cướp tài sản đã trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra nên không xử lý Trịnh Văn U về hành vi không tố giác tội phạm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H (Vũ H) phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H (Vũ H) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả cho anh Trần Thanh H số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)

Kể từ ngày anh Trần Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như bị cáo Nguyễn Văn H chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố giữ lại số tiền 1.505.000 đồng (một triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn H để đảm bảo việc thi hành án (hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, NCQLVNVLQ;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CAND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng